

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả tuyển dụng và
danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức các cơ sở giáo dục
mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 69/2025/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt chỉ tiêu tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục của Sở GDĐT, UBND cấp xã năm 2025; Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc điều chỉnh phê duyệt chỉ tiêu tuyển dụng viên chức của UBND cấp xã tại Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh;

Căn cứ Tờ trình số 4946/TTr-HĐTDVC ngày 03/12/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng và danh sách 49 thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tuyển dụng viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2025 có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển dụng và gửi văn bản thông báo công nhận kết quả trúng tuyển tới thí sinh dự tuyển theo quy định.

Điều 3. Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Sở Nội vụ;
- Hội đồng TDVC;
- Lưu: VT, HS HĐTDVC.



GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Tuấn



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 2086/QĐ-SGDĐT ngày 03/12/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2 (thực hành)			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3		4	5	6	7	8	10	11				12
1	01.001	Bùi Thị Ngọc	Ánh	24/10/1991	Nữ	Kinh	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THPT		Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	59,00		59,00	
2	01.002	Nguyễn Mạnh	Dũng	30/07/2003	Nam	Kinh	Kép - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THPT		Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định			Bỏ thi	
3	01.003	Đàm Thị	Hải	09/01/1989	Nữ	Nùng	Thục Phán - Cao Bằng	Giáo viên Toán THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định		5,00	Bỏ thi	
4	01.004	Trần Thị Phương	Loan	27/08/1988	Nữ	Tày	Hoà An - Cao Bằng	Giáo viên Toán THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	53,00	5,00	58,00	
5	01.005	Lương Thị	Thà	26/05/1992	Nữ	Tày	Thất Khê - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	69,50	5,00	74,50	
6	01.006	Vũ Quỳnh	Trang	11/11/2002	Nữ	Kinh	Bồ Hạ - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THPT		Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	71,00		71,00	
7	01.007	Đỗ Trường	Giang	17/12/2002	Nam	Tày	Vân Quan - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Vân Quan	75,00	5,00	80,00	
8	01.008	Dương Thị Thu	Huệ	27/09/1994	Nữ	Kinh	Điểm He - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THPT		Trường PTDTNT THCS&THPT Vân Quan			Bỏ thi	
9	01.009	Trần Thị	Loan	07/03/1994	Nữ	Kinh	Vạn Xuân - Thái Nguyên	Giáo viên Toán THPT		Trường PTDTNT THCS&THPT Vân Quan	71,50		71,50	
10	01.010	Phạm Cao	Lương	08/12/2002	Nam	Kinh	Tân Yên - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THPT		Trường PTDTNT THCS&THPT Vân Quan	66,50		66,50	
11	01.011	Ngô Thị Hoài	Ngọc	08/01/1998	Nữ	Kinh	Xuân Cẩm - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THPT		Trường PTDTNT THCS&THPT Vân Quan	73,00		73,00	
12	01.012	Phạm Thị Hồng	Nhung	01/05/1984	Nữ	Kinh	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THPT		Trường PTDTNT THCS&THPT Vân Quan	74,00		74,00	
13	01.013	Hoàng Anh	Son	03/02/2002	Nam	Nùng	Thiện Long - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Vân Quan	63,00	5,00	68,00	
14	02.001	Hoàng Thị	Anh	19/05/1990	Nữ	Nùng	Trại Cau - Thái Nguyên	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	61,00	5,00	66,00	
15	02.002	Hoàng Thị	Bài	14/01/1992	Nữ	Tày	Tri Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định		5,00	Bỏ thi	
16	02.003	Nguyễn Thị	Bình	12/09/1991	Nữ	Tày	Thất Khê - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	53,50	5,00	58,50	
17	02.004	Nông Thị	Bông	14/06/1991	Nữ	Tày	Hạnh Phúc - Cao Bằng	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định		5,00	Bỏ thi	
18	02.005	Lê Thị Hồng	Chuyên	05/01/1987	Nữ	Nùng	Thất Khê - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	68,50	5,00	73,50	
19	02.006	Hoàng Thị	Giang	12/06/1994	Nữ	Nùng	Yên Bình - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	65,50	5,00	70,50	
20	02.007	Lý Thị	Hà	13/04/1997	Nữ	Nùng	Đông Khê - Cao Bằng	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	69,00	5,00	74,00	
21	02.008	Hà Thị	Huế	10/10/1990	Nữ	Kinh	Thất Khê - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	Con TB	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	71,50	5,00	76,50	
22	02.009	Phạm Thị Thu	Hương	11/10/1994	Nữ	Tày	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	74,50	5,00	79,50	
23	02.010	Hoàng Thị	Lâm	23/03/1991	Nữ	Tày	Ba Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	65,50	5,00	70,50	
24	02.011	Đàm Thị Khánh	Linh	16/08/1997	Nữ	Nùng	Thất Khê - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định		5,00	Bỏ thi	
25	02.012	Hoàng Thị Kiều	Loan	30/10/2003	Nữ	Nùng	Na Rì - Bắc Cạn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	54,50	5,00	59,50	
26	02.013	Đỗ Thuý	Lộc	28/03/1995	Nữ	Tày	Yên phúc - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định	55,00	5,00	60,00	
27	02.014	Thắm Thị Hồng	Ngân	13/11/2002	Nữ	Tày	Quang Long - Cao Bằng	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định		5,00	Bỏ thi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2 (thực hành)			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
28	02.015	Hướng Ngọc	Thảo	28/01/1994	Nữ	Nùng	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Trảng Định		5,00	Bỏ thi	
29	02.016	Lăng Thị	Thiêm	28/12/1994	Nữ	Nùng	Na Sầm - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Trảng Định	52,50	5,00	57,50	
30	02.017	Lâm Thị Hồng	Thuý	20/10/1992	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Trảng Định	59,00	5,00	64,00	
31	02.018	Hoàng Thu	Thuý	14/05/1994	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	CTB/D TTS	Trung tâm GDNN-GDTX Trảng Định		5,00	Bỏ thi	
32	02.019	Nông Thị	Tuyết	27/06/2003	Nữ	Tày	Mậu Duệ - Tuyên Quang	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Trảng Định		5,00	Bỏ thi	
33	02.020	Hoàng Thị	Uyên	23/11/2002	Nữ	Tày	Quang Long - Cao Bằng	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Trảng Định		5,00	Bỏ thi	
34	02.021	Dương Cẩm	Vân	10/07/2002	Nữ	Kinh	Yên Thế - Bắc Giang	Giáo viên Ngữ văn THPT		Trung tâm GDNN-GDTX Trảng Định	71,50		71,50	
35	02.022	Hoàng Trung	Vũ	11/02/2002	Nam	Tày	Chiến Thắng - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trung tâm GDNN-GDTX Trảng Định		5,00	Bỏ thi	
36	02.023	Ngô Ngọc	Bích	16/10/2003	Nữ	Tày	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ	65,25	5,00	70,25	
37	02.024	Hoàng Văn	Cường	07/07/1986	Nam	Nùng	Phú Thịnh - Thái Nguyên	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ	56,00	5,00	61,00	
38	02.025	Lâm Văn	Đổi	03/02/1990	Nam	Nùng	Thiện Hoà - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ		5,00	Bỏ thi	
39	02.026	Lương Thanh	Hằng	03/01/1989	Nữ	Kinh	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT		Trường THPT Vũ Lễ	67,50		67,50	
40	02.027	Lâm Thị	Hường	17/10/2002	Nữ	Nùng	Hồng Phong - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ	59,50	5,00	64,50	
41	02.028	Dương Thị	Kim	06/01/1991	Nữ	Tày	Vũ Lăng - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ	70,50	5,00	75,50	
42	02.029	Trương Thị	Linh	04/07/1994	Nữ	Kinh	Tri Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT		Trường THPT Vũ Lễ			Bỏ thi	
43	02.030	Đinh Hồng	Ngọc	18/9/1994	Nữ	Tày	Na Sầm - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ		5,00	Bỏ thi	
44	02.031	Ngân Loan	Phượng	06/09/1991	Nữ	Nùng	Tân Đoàn - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ		5,00	Bỏ thi	
45	02.032	Lâm Như	Quỳnh	09/11/2003	Nữ	Nùng	Tuấn Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ	63,50	5,00	68,50	
46	02.033	Triệu Thị Thuý	Quỳnh	23/02/1994	Nữ	Nùng	Khương Đình - Hà Nội	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ		5,00	Bỏ thi	
47	02.034	Nguyễn Thị	Tâm	05/02/1994	Nữ	Kinh	Xuân Lương - Bắc Ninh	Giáo viên Ngữ văn THPT		Trường THPT Vũ Lễ	70,50		70,50	
48	02.035	Hoàng Minh	Thuý	01/02/2003	Nữ	Tày	Vũ Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ	61,00	5,00	66,00	
49	02.036	Hứa Thị	Tranh	07/08/1993	Nữ	Nùng	Tân Văn - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ	74,25	5,00	79,25	
50	03.001	Hoàng Thị	Dịu	17/04/1987	Nữ	Cao Lan	Tam Tiến - Bắc Ninh	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	71,50	5,00	76,50	
51	03.002	Lý Thị Thu	Giang	18/10/1987	Nữ	Nùng	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	70,50	5,00	75,50	
52	03.003	Chu Thị	Hằng	26/12/1992	Nữ	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	73,50	5,00	78,50	
53	03.004	Dương Hồng	Hạnh	09/01/2003	Nữ	Kinh	Hoà Bình - Phú Thọ	Giáo viên Lịch sử THPT		Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	70,00		70,00	
54	03.005	Trịnh Thị Hồng	Hạnh	20/10/1990	Nữ	Kinh	Kỳ Lừa - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT		Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập			Bỏ thi	
55	03.006	Vy Thị Thu	Hiền	24/04/1990	Nữ	Nùng	Na Dương - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	76,00	5,00	81,00	
56	03.007	Âu Thị	Hoá	11/11/1993	Nữ	Tày	Na Dương - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	69,50	5,00	74,50	
57	03.008	Hoàng Khánh	Huân	12/07/2002	Nam	Tày	Yên Phúc - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	76,00	5,00	81,00	
58	03.009	Hoàng Thế	Huân	11/12/1989	Nam	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	78,50	5,00	83,50	
59	03.010	Triệu Thị	Lan	19/12/1994	Nữ	Dao	Đại Phúc - Thái Nguyên	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	85,50	5,00	90,50	
60	03.011	Lộc Thị	Loan	01/12/2003	Nữ	Tày	Thái Bình - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	73,00	5,00	78,00	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đôi tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2 (thực hành)			Ghi chú
											Điểm thi môn nghề vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
61	03.012	Hoàng Thị	Ngọc	26/12/1994	Nữ	Tày	Hung Vũ - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	79,00	5,00	84,00	
62	03.013	Lành Bích	Như	08/04/1994	Nữ	Tày	Khuất Xá - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	84,25	5,00	89,25	
63	03.014	Triệu Thị	Như	07/10/1991	Nữ	Nùng	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập		5,00	Bỏ thi	
64	03.015	Bế Thị	Thảo	26/11/2003	Nữ	Tày	Thái Bình - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	76,00	5,00	81,00	
65	03.016	Hà Văn	Trọng	19/12/1987	Nam	Nùng	Tuấn Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	77,00	5,00	82,00	
66	03.017	Dương Thu	Hà	01/04/2003	Nữ	Tày	Khánh Chiến - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Tràng Định	75,50	5,00	80,50	
67	03.018	Triệu Thị	Mai	12/06/2003	Nữ	Nùng	Vinh Quý - Cao Bằng	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Tràng Định	69,00	5,00	74,00	
68	03.019	Dương Thu	Phương	27/11/2002	Nữ	Tày	Hung Vũ - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Tràng Định	76,50	5,00	81,50	
69	03.020	Triệu Thị	Thanh	22/05/1994	Nữ	Tày	Trùng Khánh - Cao Bằng	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Tràng Định		5,00	Bỏ thi	
70	03.021	Luân Thu	Hiển	20/09/1999	Nữ	Nùng	Văn Lăng - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	70,50	5,00	75,50	
71	03.022	Trần Trung	Hiệp	18/10/2003	Nam	Kinh	Vũ Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT		Trường THCS&THPT Bình Độ	67,50		67,50	
72	03.023	Triệu Thị	Hoà	07/05/1990	Nữ	Dao	Chiến Thắng - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ		5,00	Bỏ thi	
73	03.024	Trần Bảo	Hoàng	22/07/2003	Nam	Tày	Chợ Mới - Thái Nguyên	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	71,50	5,00	76,50	
74	03.025	Hà Thu	Huệ	28/12/1993	Nữ	Nùng	Văn Lăng - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	67,00	5,00	72,00	
75	03.026	Trần Nguyễn	Khánh	11/10/1988	Nam	Kinh	Đức Xuân - Thái Nguyên	Giáo viên Lịch sử THPT		Trường THCS&THPT Bình Độ	80,50		80,50	
76	03.027	Hoàng Thị	Na	10/03/1994	Nữ	Tày	Hoà An - Cao Bằng	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ		5,00	Bỏ thi	
77	03.028	Mã Văn	Quang	10/07/2000	Nam	Nùng	Vân Nham - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	67,00	5,00	72,00	
78	03.029	Nông Thị	Sinh	23/02/1994	Nữ	Nùng	Vân Quan - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ		5,00	Bỏ thi	
79	03.030	Bùi Thị	Ước	06/07/1991	Nữ	Nùng	Quốc Việt - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	79,75	5,00	84,75	
80	03.031	Hoàng Quang	Vượng	13/09/1993	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ		5,00	Bỏ thi	
81	03.032	Nông Thị	Yến	05/05/1994	Nữ	Nùng	Thục Phán - Cao Bằng	Giáo viên Lịch sử THPT	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	66,50	5,00	71,50	
82	04.001	Tô Văn	Bình	17/03/1989	Nam	Nùng	Hoàng Văn Thụ - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	83,00	5,00	88,00	
83	04.002	Hoàng Thị Hồng	Ngọc	16/05/1995	Nữ	Tày	Thái Bình - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	92,50	5,00	97,50	
84	04.003	Lương Thuý	Thêu	02/10/1991	Nữ	Tày	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	69,50	5,00	74,50	
85	04.004	Nguyễn Thị	Tuyến	20/05/1991	Nữ	Nùng	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập		5,00	Bỏ thi	
86	04.005	Nông Văn	Chân	07/03/1989	Nam	Tày	Na Dương - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Lộc Bình	61,50	5,00	66,50	
87	04.006	Chu Thị	Hương	30/10/2001	Nữ	Nùng	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Lộc Bình	63,25	5,00	68,25	
88	04.007	Triệu Quang	Huy	15/02/1996	Nam	Nùng	Vạn Linh - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Lộc Bình	72,25	5,00	77,25	
89	04.008	Hoàng Thị	Luyến	29/08/2002	Nữ	Tày	Chiến Thắng - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Lộc Bình	69,25	5,00	74,25	
90	04.009	Chu Thị	Thu	21/03/1994	Nữ	Tày	Khánh Khê - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Lộc Bình	74,50	5,00	79,50	
91	04.010	Hoàng Thị	Vân	15/07/1992	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Lộc Bình	60,50	5,00	65,50	
92	04.011	Lý Thị	Bóng	16/02/1996	Nữ	Nùng	Tân Văn - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Pác Khuông	58,50	5,00	63,50	
93	04.012	Hoàng Thị Hương	Diễm	02/06/1990	Nữ	Tày	Đức Xuân - Thái Nguyên	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Pác Khuông		5,00	Bỏ thi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đội tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2 (thực hành)			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
94	04.013	Bàn Thị	Hà	27/02/2003	Nữ	Dao	Cường Lợi - Thái Nguyên	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Pác Khuông	56,00	5,00	61,00	
95	04.014	Tổng Thị	Hạnh	21/05/2003	Nữ	Cao Lạn	Biển Đông - Bắc Ninh	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Pác Khuông	61,00	5,00	66,00	
96	04.015	Dương Thị	Huệ	29/08/1989	Nữ	Tày	Vũ Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Pác Khuông	67,50	5,00	72,50	
97	04.016	Dương Thị	Huyền	13/06/1992	Nữ	Tày	Vũ Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Pác Khuông	67,50	5,00	72,50	
98	04.017	Hoàng Thị	Khuyến	21/04/1997	Nữ	Tày	Trung Hội - Thái Nguyên	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Pác Khuông	82,00	5,00	87,00	
99	04.018	Mê Diệu	Linh	29/08/1987	Nữ	Tày	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Pác Khuông	81,00	5,00	86,00	
100	04.019	Hoàng Thị	Ly	26/08/1993	Nữ	Tày	Hung Vũ - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Pác Khuông		5,00	Bỏ thi	
101	04.020	Thắm Thị Kiều	Oanh	17/12/2002	Nữ	Tày	Quang Long - Cao Bằng	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Pác Khuông		5,00	Bỏ thi	
102	04.021	Vi Văn	Giăng	10/06/1996	Nam	Nùng	Kiên Lao - Bắc Ninh	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Văn Nham	71,63	5,00	76,63	
103	04.022	Mông Thị	Hằng	19/06/1991	Nữ	Nùng	Vân Nham - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Văn Nham	62,75	5,00	67,75	
104	04.023	Lý Hoàng	Hiệp	04/08/1998	Nữ	Tày	Tuấn Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Văn Nham		5,00	Bỏ thi	
105	04.024	Hoàng Thị Thanh	Lan	26/04/1990	Nữ	Tày	Cầm Giàng - Thái Nguyên	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Văn Nham		5,00	Bỏ thi	
106	04.025	Lương Thị Huyền	My	08/08/2001	Nữ	Tày	Dân Tiến - Thái Nguyên	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Văn Nham	71,00	5,00	76,00	
107	04.026	Hà Thị	Như	11/09/1994	Nữ	Nùng	Vũ Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Văn Nham	63,75	5,00	68,75	
108	04.027	Vi Thị Như	Quỳnh	11/03/2003	Nữ	Tày	Cai Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Văn Nham	64,25	5,00	69,25	
109	04.028	Dương Thị	Thong	01/07/1991	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Văn Nham	62,75	5,00	67,75	
110	04.029	Đàm Kim	Vân	09/12/1994	Nữ	Nùng	Tân Thành - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	DTTS	Trường THPT Văn Nham	58,50	5,00	63,50	
111	05.001	Nguyễn Thị	Bình	14/07/1993	Nữ	Tày	Thiện Thuật - Lạng Sơn	Giáo viên GD KT&PL THPT	DTTS	Trường THPT Chi Lăng	53,50	5,00	58,50	
112	05.002	Bùi Thu	Hiền	08/07/1996	Nữ	Kinh	Đồng Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên GD KT&PL THPT		Trường THPT Chi Lăng	45,00		45,00	
113	05.003	Trần Minh	Hiếu	11/10/1999	Nam	Tày	Kỳ Lừa - Lạng Sơn	Giáo viên GD KT&PL THPT	DTTS	Trường THPT Chi Lăng	49,25	5,00	54,25	
114	05.004	Hoàng Thị	Hoà	08/11/1993	Nữ	Tày	Đồng Đăng - Lạng Sơn	Giáo viên GD KT&PL THPT	DTTS	Trường THPT Chi Lăng		5,00	Bỏ thi	
115	05.005	Vi Văn	Hùng	13/08/1989	Nam	Nùng	Vũ Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên GD KT&PL THPT	DTTS	Trường THPT Chi Lăng	70,50	5,00	75,50	
116	05.006	Hoàng Thuý	Kiều	18/08/1993	Nữ	Tày	Na Ri - Thái Nguyên	Giáo viên GD KT&PL THPT	DTTS	Trường THPT Chi Lăng		5,00	Bỏ thi	
117	05.007	Kiên Thuý	Linh	30/11/2003	Nữ	Tày	Chiến Thắng - Lạng Sơn	Giáo viên GD KT&PL THPT	DTTS	Trường THPT Chi Lăng	49,25	5,00	54,25	
118	05.008	Vi Thị	Mưa	28/11/2002	Nữ	Tày	Thống Nhất - Lạng Sơn	Giáo viên GD KT&PL THPT	DTTS	Trường THPT Chi Lăng	60,50	5,00	65,50	
119	05.009	Trần Bảo	Quế	02/07/1992	Nữ	Kinh	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên GD KT&PL THPT		Trường THPT Chi Lăng	72,50		72,50	
120	05.010	Đồng Thị	Sen	12/10/1990	Nữ	Tày	Thượng Minh - Thái Nguyên	Giáo viên GD KT&PL THPT	DTTS	Trường THPT Chi Lăng	63,00	5,00	68,00	
121	05.011	Triệu Văn	Thái	27/08/1988	Nam	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Giáo viên GD KT&PL THPT	DTTS	Trường THPT Chi Lăng	65,00	5,00	70,00	
122	05.012	Nguyễn Thị	Xuyến	20/06/1989	Nữ	Kinh	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên GD KT&PL THPT		Trường THPT Chi Lăng	68,25		68,25	
123	06.001	Khuất Minh	Thu	30/04/2003	Nữ	Kinh	Sơn Tây - Hà Nội	Giáo viên Tiếng Anh THPT		Trường THCS&THPT Bình Độ	62,25		62,25	
124	06.002	Đàm Thị Thu	Hà	09/04/2001	Nữ	Tày	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THPT	DTTS	Trường THPT Tràng Định	72,50	5,00	77,50	
125	06.003	Nguyễn Trà	Linh	23/03/1997	Nữ	Kinh	Tương Mai - Hà Nội	Giáo viên Tiếng Anh THPT		Trường THPT Tràng Định	71,75		71,75	
126	06.004	Lộc Hoàng	Anh	30/08/1999	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THPT	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ	60,00	5,00	65,00	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2 (thực hành)			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
127	07.001	Nông Thị Lan	Hương	31/07/2001	Nữ	Tày	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Văn Lãng	78,50	5,00	83,50	
128	07.002	Lê Thị Yến	Nhi	17/12/2000	Nữ	Tày	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Văn Lãng		5,00	Bỏ thi	
129	07.003	Bế Kiều	Trang	24/06/2001	Nữ	Nùng	Na Sầm - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Văn Lãng	57,75	5,00	62,75	
130	07.004	Lê Huyền	Trang	20/04/1993	Nữ	Kinh	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT		Trường PTDTNT THCS&THPT Văn Lãng	48,75		48,75	
131	07.005	Từ Thị Ngọc	Vỹ	12/02/2001	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT Văn Lãng	65,75	5,00	70,75	
132	07.006	Lương Thị	Cường	22/08/1990	Nữ	Nùng	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường THPT Đình Lập	57,75	5,00	62,75	
133	07.007	Sầm Thị	Hoa	21/05/1998	Nữ	Nùng	Na Dương - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường THPT Đình Lập	53,25	5,00	58,25	
134	07.008	Hoàng Phương	Thảo	04/07/2001	Nữ	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường THPT Đình Lập	61,50	5,00	66,50	
135	07.009	Vy Thị	Thảo	12/10/1992	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường THPT Đình Lập	60,00	5,00	65,00	
136	07.010	Hoàng Thị Minh	Thu	14/10/2000	Nữ	Nùng	Kỳ Lừa - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường THPT Đình Lập	49,25	5,00	54,25	
137	07.011	Sầm Thị	Tươi	12/07/1997	Nữ	Nùng	Khuất Xá - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường THPT Đình Lập	52,75	5,00	57,75	
138	07.012	Bàng Thị	Yên	06/06/1999	Nữ	Nùng	Khuất Xá - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường THPT Đình Lập	69,50	5,00	74,50	
139	07.013	Hoàng Thị	Chang	15/05/1993	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường THPT Tràng Định	49,25	5,00	54,25	
140	07.014	Mông Thị	Hậu	17/10/2002	Nữ	Nùng	Thiện Thuật - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường THPT Tràng Định	47,75	5,00	52,75	
141	07.015	Bế Thị Hồng	Liên	04/12/2000	Nữ	Tày	Quốc Khánh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường THPT Tràng Định	55,00	5,00	60,00	
142	07.016	Bế Thị Kim	Oanh	30/12/2001	Nữ	Tày	Quốc Khánh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng TQ THPT	DTTS	Trường THPT Tràng Định	70,75	5,00	75,75	
143	08.001	Hà Xuân	Cánh	12/10/1986	Nam	Tày	Tân Văn - Lạng Sơn	Giáo viên Công nghệ THPT	DTTS	Trường THPT Chi Lăng	50,38	5,00	55,38	
144	08.002	Hoàng Thị	Tin	16/11/1991	Nữ	Tày	Thất Khê - Lạng Sơn	Giáo viên Công nghệ THPT	DTTS	Trường THPT Chi Lăng	71,38	5,00	76,38	
145	09.001	Hà Quỳnh	Chi	12/12/2003	Nữ	Tày	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	73,63	5,00	78,63	
146	09.002	Hà Trường	Giang	15/03/1994	Nam	Tày	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri		5,00	Bỏ thi	
147	09.003	Lưu Thị	Giang	04/06/1992	Nữ	Nùng	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	61,50	5,00	66,50	
148	09.004	Nguyễn Thu	Hằng	15/05/2003	Nữ	Kinh	Thục Phán - Cao Bằng	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	54,63		54,63	
149	09.005	Nguyễn Thị	Mến	22/10/1983	Nữ	Kinh	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	64,88		64,88	
150	09.006	Lương Thị	Ngọc	08/06/1991	Nữ	Nùng	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	74,25	5,00	79,25	
151	09.007	Hoàng Văn	Quyết	06/05/1990	Nam	Nùng	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	72,00	5,00	77,00	
152	09.008	Tô Hồng	Thái	12/07/1994	Nam	Kinh	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	55,75		55,75	
153	09.009	Vũ Thị Thu	Thảo	05/07/1996	Nữ	Kinh	Phù Lãng - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri			Bỏ thi	
154	09.010	Nguyễn Anh	Tuấn	03/03/2003	Nam	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	51,75	5,00	56,75	
155	09.011	Nguyễn Thu	Uyên	25/02/2000	Nữ	Kinh	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	52,38		52,38	
156	09.012	Nông Thị Thuý	Vân	02/10/1993	Nữ	Nùng	Kỳ Lừa - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	61,63	5,00	66,63	
157	09.013	Nguyễn Thị Mai	Anh	22/04/1995	Nữ	Kinh	Nển - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	58,50		58,50	
158	09.014	Nguyễn Thị	Đào	03/04/1997	Nữ	Cao Lơ	Xuân Lương - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	56,00	5,00	61,00	
159	09.015	Hứa Văn	Dùng	11/09/1993	Nam	Nùng	Quý Hoà - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên		5,00	Bỏ thi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2 (thực hành)			Ghi chú
											Điểm thi môn nghề vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
160	09.016	Lê Văn	Hải	25/03/1984	Nam	Kinh	Vạn Phú - Thái Nguyên	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên			Bỏ thi	
161	09.017	Nguyễn Thị	Hồng	06/02/1995	Nữ	Kinh	Hung Đạo - Hà Nội	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên			Bỏ thi	
162	09.018	Đàm Thị Thuý	Hợp	24/03/1995	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	59,00	5,00	64,00	
163	09.019	Lê Thị Hồng	Huệ	18/09/2003	Nữ	Kinh	Tân Thành - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	62,13		62,13	
164	09.020	Vũ Thu	Huyền	27/04/2003	Nữ	Kinh	Đại Xuyên - Hà Nội	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên			Bỏ thi	
165	09.021	Hoàng Hồng	Linh	27/04/1992	Nữ	Tày	Vạn Linh - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	66,50	5,00	71,50	
166	09.022	Lý Thành	Luyện	02/02/1987	Nam	Nùng	Yên Thế - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	56,38	5,00	61,38	
167	09.023	Lê Thị	Minh	11/04/2002	Nữ	Kinh	Phù Lãng - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên			Bỏ thi	
168	09.024	Ngô Thị	My	10/07/2003	Nữ	Kinh	Bồ Hạ - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	55,25		55,25	
169	09.025	Nguyễn Thị Như	Mỹ	01/03/2003	Nữ	Kinh	Liên Bảo - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	68,25		68,25	
170	09.026	Phạm Như	Nguyệt	23/12/1996	Nữ	Nùng	Sơn Động - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	65,63	5,00	70,63	
171	09.027	Hoàng Thị Mai	Sao	27/04/1993	Nữ	Tày	Na Ri - Thái Nguyên	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	61,00	5,00	66,00	
172	09.028	Vi Viết	Sử	30/06/1989	Nam	Tày	Tân Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS	DTTS	Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	75,25	5,00	80,25	
173	09.029	Nguyễn Văn	Tân	26/03/1997	Nam	Kinh	Bắc Lũng - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên			Bỏ thi	
174	09.030	Nguyễn Hương	Thảo	22/08/2003	Nữ	Kinh	Lục Nam - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	63,13		63,13	
175	09.031	Nguyễn Thanh	Thảo	21/02/2003	Nữ	Kinh	Bồ Hạ - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	65,63		65,63	
176	09.032	Nguyễn Thị	Thảo	08/10/1997	Nữ	Kinh	Vân Hà - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	63,00		63,00	
177	09.033	Nguyễn Thị Thanh	Thư	02/12/1998	Nữ	Kinh	Đào Viên - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên			Bỏ thi	
178	09.034	Nguyễn Thị	Tuyết	05/04/1992	Nữ	Kinh	Tiên Lục - Bắc Ninh	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên			Bỏ thi	
179	09.035	Phan Thị Phương	Yến	26/12/1995	Nữ	Kinh	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS		Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	67,63		67,63	
180	10.001	Lý Văn	Cần	16/09/1993	Nam	Tày	Yên Phúc - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS	DTTS	Trường THCS Hoà Sơn, xã Tân Thành		5,00	Bỏ thi	
181	10.002	Hoàng Thị	Chanh	21/08/2003	Nữ	Tày	Khánh Chiến - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS	DTTS	Trường THCS Hoà Sơn, xã Tân Thành	70,25	5,00	75,25	
182	10.003	Vi Thị	Dung	22/02/1991	Nữ	Nùng	Tân Thành - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS	DTTS	Trường THCS Hoà Sơn, xã Tân Thành	65,00	5,00	70,00	
183	10.004	Hoàng Thị	Hà	23/09/1988	Nữ	Tày	Hùng Vũ - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS	DTTS	Trường THCS Hoà Sơn, xã Tân Thành		5,00	Bỏ thi	
184	10.005	Vy Thị Thanh	Hà	18/09/1989	Nữ	Tày	Nhân Lý - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS	DTTS	Trường THCS Hoà Sơn, xã Tân Thành	46,50	5,00	51,50	
185	10.006	Trần Thị	La	20/09/1991	Nữ	Kinh	Hải Hậu - Ninh Bình	Giáo viên Vật lí THCS		Trường THCS Hoà Sơn, xã Tân Thành	60,50		60,50	
186	10.007	Dương Đình	Lịch	27/03/1988	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS	DTTS	Trường THCS Hoà Sơn, xã Tân Thành	50,25	5,00	55,25	
187	10.008	Hoàng Công	Hoàn	12/12/2003	Nam	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS	DTTS	Trường THCS Hữu Lũng, xã Hữu Lũng	62,00	5,00	67,00	
188	10.009	Vũ Thị	Lan	08/04/1995	Nữ	Kinh	Vân Nham - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS		Trường THCS Hữu Lũng, xã Hữu Lũng	69,50		69,50	
189	10.010	Đoàn Vĩnh	Long	14/04/1988	Nam	Kinh	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS		Trường THCS Hữu Lũng, xã Hữu Lũng	72,00		72,00	
190	10.011	Mỗ Thị	Mến	22/10/1992	Nữ	Nùng	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS	DTTS	Trường THCS Hữu Lũng, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	
191	10.012	Hoàng Thị Thu	Ngân	27/07/1990	Nữ	Tày	Tân Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS	DTTS	Trường THCS Hữu Lũng, xã Hữu Lũng	58,00	5,00	63,00	
192	10.013	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/07/1994	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS		Trường THCS Hữu Lũng, xã Hữu Lũng	48,50		48,50	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2 (thực hành)			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
193	10.014	Phạm Minh	Phương	12/06/1993	Nữ	Kinh	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS		Trường THCS Hữu Lũng, xã Hữu Lũng	55,00		55,00	
194	10.015	Nguyễn Kim	Phượng	10/08/1991	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS		Trường THCS Hữu Lũng, xã Hữu Lũng	49,00		49,00	
195	10.016	Lăng Thị	Thom	18/05/1992	Nữ	Nùng	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS	DTTS	Trường THCS Hữu Lũng, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	
196	10.017	Nguy Thị	Uyên	15/05/1993	Nữ	Kinh	Vân Nham - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lí THCS		Trường THCS Hữu Lũng, xã Hữu Lũng			Bỏ thi	
197	11.001	Hoàng Thị	Chinh	06/02/1995	Nữ	Nùng	Vạn Linh - Lạng Sơn	Giáo viên Hoá học THCS	DTTS	Trường PTDTBT TH&THCS Bình La, xã Tân Văn	74,50	5,00	79,50	
198	11.002	Lương Mạnh	Cường	14/02/1988	Nam	Kinh	Trung Kênh - Bắc Ninh	Giáo viên Hoá học THCS		Trường PTDTBT TH&THCS Bình La, xã Tân Văn			Bỏ thi	
199	11.003	Lộc Thị	Hành	30/08/1993	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Hoá học THCS	DTTS	Trường PTDTBT TH&THCS Bình La, xã Tân Văn	74,25	5,00	79,25	
200	11.004	La Bích	Lành	18/10/1994	Nữ	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Giáo viên Hoá học THCS	DTTS	Trường PTDTBT TH&THCS Bình La, xã Tân Văn	72,50	5,00	77,50	
201	11.005	Ma Thị	Oanh	19/06/1992	Nữ	Tày	Xuân Dương - Thái Nguyên	Giáo viên Hoá học THCS	DTTS	Trường PTDTBT TH&THCS Bình La, xã Tân Văn		5,00	Bỏ thi	
202	11.006	Vy Thuý	Phượng	21/12/1992	Nữ	Tày	Hoàng Văn Thụ - Lạng Sơn	Giáo viên Hoá học THCS	DTTS	Trường PTDTBT TH&THCS Bình La, xã Tân Văn	76,50	5,00	81,50	
203	11.007	Dương Đình	Công	06/06/1996	Nam	Kinh	Bắc Việt - Văn Lãng	Giáo viên Hoá học THCS		Trường THCS Hồ Sơn, xã Hữu Lũng			Bỏ thi	
204	11.008	Nguyễn Thu	Giang	12/03/1989	Nữ	Kinh	Hoà An - Cao Bằng	Giáo viên Hoá học THCS		Trường THCS Hồ Sơn, xã Hữu Lũng	70,25		70,25	
205	11.009	Nguyễn Thị	Huyền	20/08/1996	Nữ	Kinh	Tiên Lục - Bắc Ninh	Giáo viên Hoá học THCS		Trường THCS Hồ Sơn, xã Hữu Lũng			Bỏ thi	
206	11.010	Trần Phương	Thảo	22/10/2003	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Hoá học THCS		Trường THCS Hồ Sơn, xã Hữu Lũng	78,50		78,50	
207	11.011	Phạm Văn	Tường	01/09/1995	Nam	Kinh	Bất Bạt - Hà Nội	Giáo viên Hoá học THCS		Trường THCS Hồ Sơn, xã Hữu Lũng	80,25		80,25	
208	11.012	Trịnh Bùi Hải	Yến	08/09/2003	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Hoá học THCS		Trường THCS Hồ Sơn, xã Hữu Lũng	84,25		84,25	
209	11.013	Lê Thị	Án	17/02/1994	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Hoá học THCS	DTTS	Trường THCS I Đình Lập, xã Đình Lập	83,75	5,00	88,75	
210	11.014	Bùi Hồng	Linh	27/10/1989	Nữ	Kinh	Kỳ Lừa - Lạng Sơn	Giáo viên Hoá học THCS		Trường THCS I Đình Lập, xã Đình Lập	74,25		74,25	
211	11.015	Đào Thanh	Mai	27/09/1997	Nữ	Kinh	Tân Đoàn - Lạng Sơn	Giáo viên Hoá học THCS		Trường THCS I Đình Lập, xã Đình Lập	72,50		72,50	
212	11.016	Lý Kim	Thoa	29/09/1993	Nữ	Tày	Tân Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Hoá học THCS	DTTS	Trường THCS I Đình Lập, xã Đình Lập	70,50	5,00	75,50	
213	12.001	Lành Thị	Cúc	27/09/1993	Nữ	Tày	Hoa Thám - Lạng Sơn	Giáo viên Sinh học THCS	DTTS	Trường PTDTBT THCS Hội Hoan, xã Hội Hoan	73,25	5,00	78,25	
214	12.002	Hoàng Thị	Diễm	07/10/1993	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Sinh học THCS	DTTS	Trường PTDTBT THCS Hội Hoan, xã Hội Hoan	62,75	5,00	67,75	
215	12.003	Nông Thị	Đồng	21/04/1994	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Giáo viên Sinh học THCS	DTTS	Trường PTDTBT THCS Hội Hoan, xã Hội Hoan	60,25	5,00	65,25	
216	12.004	Đường Xuân	Hào	20/02/1989	Nam	Tày	Thất Khê - Lạng Sơn	Giáo viên Sinh học THCS	DTTS	Trường PTDTBT THCS Hội Hoan, xã Hội Hoan	52,00	5,00	57,00	
217	12.005	Nguyễn Thị Kim	Hồng	27/10/1998	Nữ	Co	Thất Khê - Lạng Sơn	Giáo viên Sinh học THCS	DTTS	Trường PTDTBT THCS Hội Hoan, xã Hội Hoan	77,50	5,00	82,50	
218	12.006	Đặng Thị Thu	Huyền	21/06/1995	Nữ	Dao	Tân Tiến - Lạng Sơn	Giáo viên Sinh học THCS	DTTS	Trường PTDTBT THCS Hội Hoan, xã Hội Hoan	70,25	5,00	75,25	
219	12.007	Hà Thị	Linh	22/02/1995	Nữ	Mường	Hải Lựu - Phú Thọ	Giáo viên Sinh học THCS	DTTS	Trường PTDTBT THCS Hội Hoan, xã Hội Hoan		5,00	Bỏ thi	
220	12.008	Đinh Thị Hồng	Minh	27/05/1993	Nữ	Tày	Na Sầm - Lạng Sơn	Giáo viên Sinh học THCS	DTTS	Trường PTDTBT THCS Hội Hoan, xã Hội Hoan	80,50	5,00	85,50	
221	12.009	Dương Công	Nghê	29/11/1990	Nam	Tày	Vũ Lăng - Lạng Sơn	Giáo viên Sinh học THCS	DTTS	Trường PTDTBT THCS Hội Hoan, xã Hội Hoan	68,25	5,00	73,25	
222	12.010	Hoàng Thị	Thảo	19/12/1994	Nữ	Nùng	Khánh Khê - Lạng Sơn	Giáo viên Sinh học THCS	DTTS	Trường PTDTBT THCS Hội Hoan, xã Hội Hoan	75,25	5,00	80,25	
223	12.011	Nguyễn Thị Ái	Thơ	21/01/2003	Nữ	Kinh	Thành Sen - Hà Tĩnh	Giáo viên Sinh học THCS		Trường PTDTBT THCS Hội Hoan, xã Hội Hoan	67,75		67,75	
224	13.001	Hoàng Hiệp	Anh	18/11/1991	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THCS	DTTS	Trường THCS Tân Văn, xã Tân Văn	66,00	5,00	71,00	
225	13.002	Ngô Thị	Hiệp	22/12/1991	Nữ	Nùng	Yên Phúc - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THCS	DTTS	Trường THCS Tân Văn, xã Tân Văn	68,50	5,00	73,50	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2 (thực hành)			Ghi chú
											Điểm thi môn nghề vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
226	13.003	Dương Thị	Hoa	06/07/1994	Nữ	Tày	Hung Vũ - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THCS	DTTS	Trường THCS Tân Văn, xã Tân Văn	80,00	5,00	85,00	
227	13.004	Mã Thị	Lương	15/05/1993	Nữ	Tày	Thất Khê - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THCS	DTTS	Trường THCS Tân Văn, xã Tân Văn	63,00	5,00	68,00	
228	13.005	Hoàng Thị	Quê	11/12/1994	Nữ	Tày	Tân Văn - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THCS	DTTS	Trường THCS Tân Văn, xã Tân Văn		5,00	Bỏ thi	
229	13.006	Lê Thị	Sợi	12/09/1989	Nữ	Nùng	Tân Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THCS	DTTS	Trường THCS Tân Văn, xã Tân Văn	71,50	5,00	76,50	
230	13.007	Nông Văn	Tuân	06/05/1994	Nam	Nùng	Thiện Hoà - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THCS	DTTS	Trường THCS Tân Văn, xã Tân Văn	57,00	5,00	62,00	
231	13.008	Vi Văn	Tuấn	14/02/1987	Nam	Tày	Tân Văn - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THCS	DTTS	Trường THCS Tân Văn, xã Tân Văn	75,00	5,00	80,00	
232	13.009	Mỗ Đức	Tường	20/01/1992	Nam	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THCS	DTTS	Trường THCS Tân Văn, xã Tân Văn	59,50	5,00	64,50	
233	13.010	Lộc Thị	Thương	10/06/1993	Nữ	Nùng	Yên Phúc - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THCS	DTTS	Trường THCS Tân Văn, xã Tân Văn	77,00	5,00	82,00	
234	14.001	Lương Thị	Duyên	23/08/1994	Nữ	Nùng	Quý Hoà - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS	DTTS	Trường TH&THCS Hữu Liên, xã Hữu Liên	52,50	5,00	57,50	
235	14.002	Nguyễn Thị	Lan	15/09/1994	Nữ	Kinh	Liên Hoà - Phú Thọ	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường TH&THCS Hữu Liên, xã Hữu Liên			Bỏ thi	
236	14.003	Nguyễn Thị Thu	Quyển	13/09/1993	Nữ	Kinh	Cai Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường TH&THCS Hữu Liên, xã Hữu Liên	84,00		84,00	
237	14.004	Vi Thị Hải	Ánh	27/09/2002	Nữ	Tày	Vạn Linh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	82,00	5,00	87,00	
238	14.005	Nguyễn Thu	Hà	09/11/2002	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	81,50		81,50	
239	14.006	Ngô Thị	Nguyệt	12/05/1999	Nữ	Kinh	Hữu Liên - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường TH&THCS Yên Vượng, xã Cai Kinh	83,00		83,00	
240	14.007	Trần Hoài	Thương	12/07/2002	Nữ	Kinh	Xuân Bình - Thanh Hoá	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường TH&THCS Yên Vượng, xã Cai Kinh	68,00		68,00	
241	14.008	Bùi Mai	Anh	20/10/2001	Nữ	Kinh	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường THCS Chi Lăng, phường Lương Văn Tri	83,00		83,00	
242	14.009	Ngô Quốc	Huy	09/10/1989	Nam	Kinh	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường THCS Chi Lăng, phường Lương Văn Tri	54,50		54,50	
243	14.010	Lưu Thị	Huyền	11/03/1984	Nữ	Nùng	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS	DTTS	Trường THCS Chi Lăng, phường Lương Văn Tri	79,00	5,00	84,00	
244	14.011	Đặng Thị	Ly	18/08/1990	Nữ	Kinh	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường THCS Chi Lăng, phường Lương Văn Tri	97,75		97,75	
245	14.012	Hoàng Thu	Phương	22/04/1991	Nữ	Tày	Kỳ Lừa - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS	DTTS	Trường THCS Chi Lăng, phường Lương Văn Tri		5,00	Bỏ thi	
246	14.013	Hoàng Thị	Thuận	07/05/2003	Nữ	Nùng	Đồng Đăng - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS	DTTS	Trường THCS Chi Lăng, phường Lương Văn Tri	68,00	5,00	73,00	
247	14.014	Quảng Thị	Thủy	20/10/2001	Nữ	Thái	Na Dương - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS	DTTS	Trường THCS Chi Lăng, phường Lương Văn Tri	51,50	5,00	56,50	
248	14.015	Lương Ngọc	Trâm	28/06/1993	Nữ	Tày	Kỳ Lừa - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS	DTTS	Trường THCS Chi Lăng, phường Lương Văn Tri		5,00	Bỏ thi	
249	14.016	Hoàng Thị Thanh	Trúc	15/07/2003	Nữ	Nùng	Chiến Thắng - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS	DTTS	Trường THCS Chi Lăng, phường Lương Văn Tri	69,00	5,00	74,00	
250	14.017	Sầm Thủy	Vân	04/09/1992	Nữ	Kinh	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường THCS Chi Lăng, phường Lương Văn Tri	71,00		71,00	
251	14.018	Trần Thị	Huệ	20/08/1993	Nữ	Nùng	Cường Lợi - Thái Nguyên	Giáo viên Tiếng Anh THCS	DTTS	Trường THCS Hoà Sơn, xã Tân Thành	59,50	5,00	64,50	
252	14.019	Hoàng Thị Lệ	Thủy	17/09/1999	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS	DTTS	Trường THCS Hoà Sơn, xã Tân Thành		5,00	Bỏ thi	
253	14.020	Phạm Thủy	Hiền	21/11/2003	Nữ	Kinh	Bồ Hạ - Bắc Ninh	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường THCS Văn Nham, xã Văn Nham	65,25		65,25	
254	14.021	La Thị	Hương	23/11/1997	Nữ	Kinh	Xuân Cẩm - Bắc Ninh	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường THCS Văn Nham, xã Văn Nham	73,50		73,50	
255	14.022	Nguyễn Trần Gia	Khánh	25/06/2003	Nữ	Kinh	Nham Biền - Bắc Ninh	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường THCS Văn Nham, xã Văn Nham	84,25		84,25	
256	14.023	Hoàng Thị Hồng	Phượng	01/03/1999	Nữ	Nùng	Dân Tiến - Thái Nguyên	Giáo viên Tiếng Anh THCS	DTTS	Trường THCS Văn Nham, xã Văn Nham		5,00	Bỏ thi	
257	14.024	Chu Thị	Thảo	10/01/2001	Nữ	Kinh	Tiên Lục - Bắc Ninh	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường THCS Văn Nham, xã Văn Nham			Bỏ thi	
258	14.025	Hoàng Thị	Trang	22/01/2001	Nữ	Kinh	Phúc Hoà - Bắc Ninh	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường THCS Văn Nham, xã Văn Nham			Bỏ thi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đội tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2 (thực hành)			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
259	14.026	Nguyễn Thị Tường	Vi	07/09/2002	Nữ	Kinh	Bồ Hạ - Bắc Ninh	Giáo viên Tiếng Anh THCS		Trường THCS Văn Nham, xã Văn Nham	64,75		64,75	
260	14.027	Lâm Thị	Yến	30/09/1998	Nữ	Sán Dìu	Chũ - Bắc Ninh	Giáo viên Tiếng Anh THCS	DTTS	Trường THCS Văn Nham, xã Văn Nham	60,75	5,00	65,75	
261	15.001	Lương Thị	Bình	22/04/1992	Nữ	Nùng	Kiên Mộc - Lạng Sơn	Giáo viên Tin học THCS	DTTS	Trường TH&THCS Bắc Lãng, xã Châu Sơn	58,00	5,00	63,00	
262	15.002	Hứa Văn	Giáo	03/03/1984	Nam	Nùng	Thống Nhất - Lạng Sơn	Giáo viên Tin học THCS	DTTS	Trường TH&THCS Bắc Lãng, xã Châu Sơn		5,00	Bỏ thi	
263	15.003	Vi Quang	Huy	29/01/2001	Nam	Tày	Châu Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Tin học THCS	DTTS	Trường TH&THCS Bắc Lãng, xã Châu Sơn	67,00	5,00	72,00	
264	15.004	Hoàng Việt	Cường	24/01/1992	Nam	Tày	Hội Hoan - Lạng Sơn	Giáo viên Tin học THCS	DTTS	Trường THCS Bắc Việt, xã Văn Lãng	57,00	5,00	62,00	
265	15.005	Nông Thị	Nga	03/12/1991	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Giáo viên Tin học THCS	DTTS	Trường THCS Bắc Việt, xã Văn Lãng	64,00	5,00	69,00	
266	15.006	Ngô Thị Kim	Thoa	16/07/1994	Nữ	Tày	Trần Phú - Thái Nguyên	Giáo viên Tin học THCS	DTTS	Trường THCS Bắc Việt, xã Văn Lãng	65,25	5,00	70,25	
267	15.007	Vi Thanh	Thuỳ	01/04/2003	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Giáo viên Tin học THCS	DTTS	Trường THCS Bắc Việt, xã Văn Lãng	65,75	5,00	70,75	
268	15.008	Hứa Duy	Tiến	14/02/1992	Nam	Tày	Nùng Trí Cao - Cao Bằng	Giáo viên Tin học THCS	DTTS	Trường THCS Bắc Việt, xã Văn Lãng	57,25	5,00	62,25	
269	16.001	Dương Thị	Ánh	17/12/1997	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH	DTTS	Trường PTDTBT TH&THCS Hồng Thái, xã Tân Văn	61,75	5,00	66,75	
270	16.002	Nguyễn Thị	Hương	27/07/1988	Nữ	Kinh	Chi Lăng - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH		Trường PTDTBT TH&THCS Hồng Thái, xã Tân Văn			Bỏ thi	
271	16.003	Triệu Thu	Hương	15/10/2001	Nữ	Tày	Trần Phú - Thái Nguyên	Giáo viên Tiếng Anh TH	DTTS	Trường PTDTBT TH&THCS Hồng Thái, xã Tân Văn	75,25	5,00	80,25	
272	16.004	Hoàng Thị Mai	Lan	17/12/1995	Nữ	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH	DTTS	Trường PTDTBT TH&THCS Hồng Thái, xã Tân Văn	81,50	5,00	86,50	
273	16.005	Lộc Thị Ngọc	Mai	08/07/1994	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH	DTTS	Trường PTDTBT TH&THCS Hồng Thái, xã Tân Văn	68,50	5,00	73,50	
274	16.006	Trịnh Thị	Tâm	17/07/1993	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH	DTTS	Trường PTDTBT TH&THCS Hồng Thái, xã Tân Văn		5,00	Bỏ thi	
275	16.007	Hoàng Thị	Xâm	25/03/1990	Nữ	Nùng	Thiện Hoà - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH	DTTS	Trường PTDTBT TH&THCS Hồng Thái, xã Tân Văn	52,50	5,00	57,50	
276	16.008	Đình Thuý	Hà	25/07/1988	Nữ	Tày	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH	DTTS	Trường Tiểu học Hồ Sơn, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	
277	16.009	Nguyễn Văn	Mạnh	19/01/1977	Nam	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH		Trường Tiểu học Hồ Sơn, xã Hữu Lũng	62,00		62,00	
278	16.010	Nguyễn Thị	Hằng	27/09/1999	Nữ	Kinh	Bảo Đài - Bắc Ninh	Giáo viên Tiếng Anh TH		Trường Tiểu học Hoà Sơn, xã Tân Thành	87,00		87,00	
279	16.011	Nguyễn Lý Trúc	Quỳnh	24/12/2001	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH	DTTS	Trường Tiểu học Hoà Sơn, xã Tân Thành	72,25	5,00	77,25	
280	16.012	Lý Thuý	Chiều	20/06/1998	Nữ	Nùng	Khuất Xá - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH	DTTS	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	53,50	5,00	58,50	
281	16.013	Nguyễn Ngọc	Kiên	29/06/1979	Nam	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH		Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	60,75		60,75	
282	16.014	Hoàng Thị Hồng	Phượng	01/03/1999	Nữ	Nùng	Dân Tiến - Thái Nguyên	Giáo viên Tiếng Anh TH	DTTS	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	63,25	5,00	68,25	
283	16.015	Hoàng Thị	Sương	20/07/1991	Nữ	Tày	Hữu Liên - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	62,50	5,00	67,50	
284	16.016	Quách Thị	Tâm	25/03/1993	Nữ	Kinh	Phúc Thịnh - Hà Nội	Giáo viên Tiếng Anh TH		Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên			Bỏ thi	
285	16.017	Hoàng Thị	Xuân	06/01/1995	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	63,25	5,00	68,25	
286	17.001	Hoàng Minh	Chiến	11/09/1995	Nam	Nùng	Tuấn Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Tin học TH	DTTS	Trường Tiểu học Sơn Hà, xã Hữu Lũng	85,00	5,00	90,00	
287	17.002	Trương Quốc	Hào	26/10/1984	Nam	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Tin học TH	DTTS	Trường Tiểu học Sơn Hà, xã Hữu Lũng	73,00	5,00	78,00	
288	17.003	Nông Thị Vân	Hoa	13/12/2000	Nữ	Tày	Điểm He - Lạng Sơn	Giáo viên Tin học TH	DTTS	Trường Tiểu học Sơn Hà, xã Hữu Lũng	86,50	5,00	91,50	
289	17.004	Đặng Thị Trà	My	08/07/1989	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Tin học TH	DTTS	Trường Tiểu học Sơn Hà, xã Hữu Lũng	90,50	5,00	95,50	
290	18.001	Hoàng Thị	Ân	05/01/1991	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	71,75	5,00	76,75	
291	18.002	Phùng Thị	Bồi	06/05/1990	Nữ	Nùng	Sơn Động - Bắc Giang	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	13,00	5,00	18,00	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2 (thực hành)			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
292	18.003	Hoàng Thị	Dầu	20/12/1997	Nữ	Sán Ch	Tân Tiến - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	53,63	5,00	58,63	
293	18.004	Nông Thị	Dung	18/07/1992	Nữ	Nùng	Lộc Bình - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh		5,00	Bỏ thi	
294	18.005	Nông Thị	Duyên	25/03/1996	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	83,75	5,00	88,75	
295	18.006	Lê Thị Hương	Giang	03/11/2002	Nữ	Nùng	Thiện Tân - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	70,25	5,00	75,25	
296	18.007	Linh Thị	Hân	07/08/1991	Nữ	Nùng	Yên Phúc - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	67,38	5,00	72,38	
297	18.008	Ngô Thị Thu	Hoài	19/06/1996	Nữ	Nùng	Kỳ Lừa - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	71,25	5,00	76,25	
298	18.009	Lý Thị	Huế	07/07/1993	Nữ	Kinh	Tân Sơn - Bắc Ninh	Giáo viên Văn hoá TH		Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh			Bỏ thi	
299	18.010	Triệu Thị	Huệ	20/02/1999	Nữ	Nùng	Thiện Tân - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	85,50	5,00	90,50	
300	18.011	Trần Thị	Hương	19/10/1989	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH		Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh			Bỏ thi	
301	18.012	Lương Thị	Mai	08/01/2002	Nữ	Mông	Đoàn Kết - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	65,75	5,00	70,75	
302	18.013	Hoàng Trung	Nam	26/06/2001	Nam	Tày	Na Dương - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	65,25	5,00	70,25	
303	18.014	Lự Thị	Ngâm	14/10/1991	Nữ	Tày	Hữu Liên - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	65,50	5,00	70,50	
304	18.015	Vi Thị	Nghĩa	05/10/1993	Nữ	Nùng	Xuân Dương - Thái Nguyên	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh		5,00	Bỏ thi	
305	18.016	Nông Thị Trà	Như	05/01/2002	Nữ	Tày	Tri Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	75,50	5,00	80,50	
306	18.017	Hứa Thị	Thách	18/07/1992	Nữ	Nùng	Văn Lăng - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	66,00	5,00	71,00	
307	18.018	Hoàng Thị	Thạch	09/03/1995	Nữ	Tày	Anh Sơn - Nghệ An	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	67,00	5,00	72,00	
308	18.019	Linh Thị Minh	Thoa	01/05/2003	Nữ	Nùng	Vạn Linh - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh		5,00	Bỏ thi	
309	18.020	Lường Thị	Thu	25/11/1990	Nữ	Kinh	Quan Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH		Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	67,50		67,50	
310	18.021	Dương Thị	Trang	12/02/2003	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	79,38	5,00	84,38	
311	18.022	Nguyễn Văn	Tú	09/11/1996	Nam	Tày	Vũ Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	65,86	5,00	70,86	
312	18.023	Trần Trung	Tuyến	05/11/2000	Nam	Tày	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	66,86	5,00	71,86	
313	18.024	Vi Thị	Vân	04/07/1985	Nữ	Tày	Bằng Mạc - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	16,50	5,00	21,50	
314	18.025	Nông Hải	Yến	26/01/1997	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh		5,00	Bỏ thi	
315	18.026	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	13/02/2000	Nữ	Kinh	Thượng Phúc - Hà Nội	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng	75,75		75,75	
316	18.027	Trần Thị Nguyệt	Anh	18/07/2003	Nữ	Kinh	Nho Quan - Ninh Bình	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng	59,00		59,00	
317	18.028	Hứa Minh	Ánh	18/08/2003	Nữ	Nùng	Vân Nham - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng	62,50	5,00	67,50	
318	18.029	Đàm Thị Ngọc	Bích	30/01/2002	Nữ	Cao Lar	Thiện Tân - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng	77,75	5,00	82,75	
319	18.030	Chu Thuỳ	Dung	02/08/2002	Nữ	Nùng	Đại Sơn - Bắc Ninh	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	
320	18.031	Dương Thị	Đùng	14/10/2003	Nữ	Tày	Vũ Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	
321	18.032	Dương Thị	Hằng	25/11/1991	Nữ	Tày	Vũ Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng	63,50	5,00	68,50	
322	18.033	Phạm Thị	Hiền	12/06/2003	Nữ	Kinh	Vân Nham - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng	81,75		81,75	
323	18.034	Nguyễn Thị	Huyền	10/10/2003	Nữ	Kinh	Việt Yên - Bắc Ninh	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng	52,75		52,75	
324	18.035	Lương Thị	Kiều	14/12/1992	Nữ	Tày	Na Dương - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2 (thực hành)			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
325	18.036	Dương Thị	Kỳ	06/04/2001	Nữ	Tày	Hung Vũ - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng	67,50	5,00	72,50	
326	18.037	Bế Thuý	Linh	25/02/1996	Nữ	Nùng	Na Ri - Thái Nguyên	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	
327	18.038	Dương Công	Mức	11/04/1993	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng	63,00	5,00	68,00	
328	18.039	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	02/10/1999	Nữ	Kinh	Phượng Sơn - Bắc Ninh	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng			Bỏ thi	
329	18.040	Nguyễn Thảo	Nguyên	11/11/2000	Nữ	Kinh	Dân Tiến - Thái Nguyên	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng	68,00		68,00	
330	18.041	Bùi Thị	Nhinh	18/06/2003	Nữ	Mường	Ngọc Sơn - Phú thọ	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng	75,50	5,00	80,50	
331	18.042	Hoàng Thị	Sao	18/08/1992	Nữ	Nùng	Hoà An - Cao Bằng	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	
332	18.043	Lương Thị Phương	Thảo	25/05/2003	Nữ	Tày	Vạn Linh - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	
333	18.044	Triệu Thu	Thảo	27/03/1997	Nữ	Nùng	Bằng Mạc - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng	81,00	5,00	86,00	
334	18.045	Nông Thị Tường	Vi	05/01/1998	Nữ	Nùng	Đồng Kỳ - Bắc Ninh	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	
335	18.046	Vi Văn	Việt	16/04/1989	Nam	Nùng	Sơn Hải - Bắc Ninh	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng	54,75	5,00	59,75	
336	18.047	Chu Thị	Ánh	01/06/1989	Nữ	Tày	Vinh Quý - Cao Bằng	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	70,25	5,00	75,25	
337	18.048	Nguyễn Hà	Chang	01/12/2002	Nữ	Nùng	Nhất Hoà - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	71,00	5,00	76,00	
338	18.049	Hoàng Huệ	Chi	18/08/2002	Nữ	Nùng	Tân Tiến - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	73,25	5,00	78,25	
339	18.050	Nông Kim	Cúc	20/03/1997	Nữ	Tày	Minh Tâm - Cao Bằng	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	54,25	5,00	59,25	
340	18.051	Ngô Bích	Diệp	02/09/1992	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri		5,00	Bỏ thi	
341	18.052	Lý Thị	Hà	28/11/1996	Nữ	Nùng	Đồng Đăng - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	55,00	5,00	60,00	
342	18.053	Hoàng Thị Ngọc	Hân	07/09/2003	Nữ	Nùng	Quảng Yên - Cao Bằng	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri		5,00	Bỏ thi	
343	18.054	Trần Thị Mỹ	Hoa	10/11/2000	Nữ	Tày	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	70,50	5,00	75,50	
344	18.055	Vi Thị	Hoài	15/06/1997	Nữ	Tày	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	60,50	5,00	65,50	
345	18.056	Hà Thị	Huệ	05/06/1997	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	62,75	5,00	67,75	
346	18.057	Hoàng Linh	Hương	14/08/2003	Nữ	Nùng	Đồng Đăng - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	62,75	5,00	67,75	
347	18.058	Hoàng Thị Mai	Hương	14/04/1995	Nữ	Tày	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	61,25	5,00	66,25	
348	18.059	Bế Thu	Hường	06/10/1986	Nữ	Tày	Ba Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri		5,00	Bỏ thi	
349	18.060	Hà Thị	Hường	28/02/2003	Nữ	Tày	Chợ Rã - Thái Nguyên	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri		5,00	Bỏ thi	
350	18.061	Nông Thanh	Huyền	14/03/1991	Nữ	Tày	Na Sầm - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	74,25	5,00	79,25	
351	18.062	Lê Thu	Lan	05/02/2001	Nữ	Tày	Kỳ Lừa - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	91,00	5,00	96,00	
352	18.063	Triệu Thị Thanh	Lan	04/08/1997	Nữ	Dao	Quốc Khánh - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	57,25	5,00	62,25	
353	18.064	Hoàng Diệu	Linh	06/06/1998	Nữ	Tày	Lợi Bắc - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri		5,00	Bỏ thi	
354	18.065	Long Văn	Mạnh	12/11/2003	Nam	Nùng	Tổng Cột - Cao Bằng	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri		5,00	Bỏ thi	
355	18.066	Dương Thanh	Ngân	07/11/1999	Nữ	Tày	Đồng Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	76,50	5,00	81,50	
356	18.067	Hà Thị Bích	Ngọc	05/11/1995	Nữ	Tày	Nhân Lý - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	58,00	5,00	63,00	
357	18.068	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	28/11/2002	Nữ	Dao	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	81,50	5,00	86,50	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2 (thực hành)			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
358	18.069	Phạm Hải	Như	19/03/1995	Nữ	Kinh	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri			Bỏ thi	
359	18.070	Linh Hồng	Nhung	12/08/2003	Nữ	Tày	Yên Phúc - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	64,00	5,00	69,00	
360	18.071	Nguyễn Thị Thu	Phương	23/12/2001	Nữ	Tày	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	87,25	5,00	92,25	
361	18.072	Phan Thị	Phương	29/05/2000	Nữ	Kinh	Vũ Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	77,25		77,25	
362	18.073	Tô Thị	Phượng	16/10/1998	Nữ	Nùng	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	75,75	5,00	80,75	
363	18.074	Nguyễn Thị Kim	Quyên	28/11/1996	Nữ	Kinh	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	76,75		76,75	
364	18.075	Lăng Hoàng Phương	Thảo	15/11/1997	Nữ	Nùng	Đồng Đăng - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	72,25	5,00	77,25	
365	18.076	Lành Thu	Thảo	14/03/2003	Nữ	Tày	Thống Nhất - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	67,75	5,00	72,75	
366	18.077	Lô Thị	Thảo	26/08/1995	Nữ	Tày	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	71,00	5,00	76,00	
367	18.078	Hoàng Thị	Thủy	23/08/2000	Nữ	Tày	Tân Văn - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri		5,00	Bỏ thi	
368	18.079	Đình Thị	Thủy	24/10/1993	Nữ	Tày	Tân Tiến - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	71,00	5,00	76,00	
369	18.080	Hứa Thủy	Trang	10/09/1997	Nữ	Nùng	Trần Phú - Thái Nguyên	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	73,88	5,00	78,88	
370	18.081	Lành Thị	Biển	25/11/1995	Nữ	Tày	Cường Lợi - Thái Nguyên	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	53,63	5,00	58,63	
371	18.082	Nguyễn Chí	Công	10/06/1995	Nam	Kinh	Lục Sơn - Bắc Ninh	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành			Bỏ thi	
372	18.083	Ân Thị	Cúc	09/06/2003	Nữ	Nùng	Quốc Việt - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	82,63	5,00	87,63	
373	18.084	Đình Thị	Hà	20/07/1992	Nữ	Tày	Thanh Mai - Thái Nguyên	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành		5,00	Bỏ thi	
374	18.085	Vi Thị	Hoà	13/09/1997	Nữ	Kinh	Tân Thành - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	60,88		60,88	
375	18.086	Nguyễn Thị Thu	Hoài	10/09/1997	Nữ	Kinh	Tân Thành - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	86,25		86,25	
376	18.087	Nông Thị	Huệ	18/09/1996	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	49,38	5,00	54,38	
377	18.088	Lý Thị	Liên	11/11/1997	Nữ	Nùng	Quốc Khánh - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	48,00	5,00	53,00	
378	18.089	Hoàng Thị	Ngân	03/08/1995	Nữ	Tày	Hồng Phong - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	45,13	5,00	50,13	
379	18.090	Tô Ánh	Nguyệt	24/09/1994	Nữ	Tày	Hồng Phong - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	45,25	5,00	50,25	
380	18.091	Lâm Thị	Nhệ	13/09/1987	Nữ	Nùng	Tân Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành		5,00	Bỏ thi	
381	18.092	Đàm Thị	Phương	29/03/1995	Nữ	Nùng	Quốc Khánh - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	58,38	5,00	63,38	
382	18.093	Lương Thị	Phượng	03/05/1987	Nữ	Kinh	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	94,25		94,25	
383	18.094	Mê Thị	Thúy	29/10/1991	Nữ	Tày	Tân Đoàn - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	57,38	5,00	62,38	
384	18.095	Nguyễn Công Tuấn	Vinh	05/05/1996	Nam	Kinh	Nển - Bắc Ninh	Giáo viên Văn hoá TH	HTNVQS	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành		2,50	Bỏ thi	
385	18.096	Nông Thị	Xinh	10/11/1993	Nữ	Nùng	Thuy Hùng - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	59,25	5,00	64,25	
386	18.097	Dương Thị	Diệp	18/07/1994	Nữ	Tày	Vũ Lăng - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	44,38	5,00	49,38	
387	18.098	Lộc Mỹ	Hạnh	15/11/1994	Nữ	Tày	Tân Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	46,25	5,00	51,25	
388	18.099	Nguyễn Văn	Hiền	27/02/1989	Nam	Kinh	Hữu Liên - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	70,50		70,50	
389	18.100	Lưu Thị	Hiệp	18/07/1997	Nữ	Nùng	Hưng Vũ - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	66,75	5,00	71,75	
390	18.101	Hoàng Thị	Hợi	10/12/1988	Nữ	Tày	Vũ Lăng - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên		5,00	Bỏ thi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2 (thực hành)			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
391	18.102	Lục Văn	Huỳnh	02/01/1996	Nam	Nùng	Đoài Dương- Cao Bằng	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên		5,00	Bỏ thi	
392	18.103	Ngô Thị	Kim	14/05/1997	Nữ	Nùng	Thiện Long - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	48,75	5,00	53,75	
393	18.104	Dương Thị	Miễn	08/06/1990	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	43,50	5,00	48,50	
394	18.105	Hứa Thị	Năn	07/04/1995	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	36,00	5,00	41,00	
395	18.106	Bàn Thị	Nga	03/09/1991	Nữ	Dao	Văn Lang - Thái Nguyên	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	64,25	5,00	69,25	
396	18.107	Nguyễn Thị	Nga	05/01/2002	Nữ	Kinh	Mỹ Thái - Bắc Ninh	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	67,75		67,75	
397	18.108	Hoàng Thị	Ngân	08/12/1989	Nữ	Tày	Vũ Lăng - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	62,75	5,00	67,75	
398	18.109	Lương Thị Hồng	Như	12/11/1995	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	60,25	5,00	65,25	
399	18.110	Lương Minh	Oanh	25/08/2001	Nữ	Kinh	Tân Thành - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	71,25		71,25	
400	18.111	Hoàng Thị	Thương	15/12/2002	Nữ	Tày	Hung Vũ - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	77,25	5,00	82,25	
401	18.112	Thân Văn	Tiêm	06/01/1992	Nam	Kinh	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH		Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	64,13		64,13	
402	18.113	Mai Thị	Trang	27/07/1990	Nữ	Tày	Vũ Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	91,00	5,00	96,00	
403	18.114	Triệu Thị	Xuân	21/03/1989	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	DTTS	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	61,00	5,00	66,00	
404	19.001	Nông Thị Ngọc	Anh	20/05/1986	Nữ	Tày	Tân Trĩ - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	94,00	5,00	99,00	
405	19.002	Nguyễn Thị Vân	Anh	25/06/2002	Nữ	Kinh	Hai Bà Trưng-Hà Nội	Giáo viên Mầm non		Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng			Bỏ thi	
406	19.003	Hoàng Thị	Hạnh	21/04/1996	Nữ	Tày	Kỳ Lừa - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	
407	19.004	Nguyễn Thị	Hiền	04/10/1996	Nữ	Kinh	Vân Nham - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non		Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	92,50		92,50	
408	19.005	Đào Thị Phương	Hoa	24/11/1998	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non		Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng			Bỏ thi	
409	19.006	Triệu Đào	Hoa	04/06/2004	Nữ	Nùng	Bằng Mạc - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	80,25	5,00	85,25	
410	19.007	Chu Thị	Hồng	21/09/1990	Nữ	Nùng	Lương Văn Trĩ - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	86,00	5,00	91,00	
411	19.008	Đặng Thị Ánh	Hồng	25/08/2002	Nữ	Nùng	Yên Bình - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	90,75	5,00	95,75	
412	19.009	Hoàng Thị Ngọc	Lễ	02/09/1993	Nữ	Tày	Vân Nham - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	88,00	5,00	93,00	
413	19.010	Hoàng Thị	Linh	26/11/1995	Nữ	Nùng	Vũ Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	
414	19.011	Nguyễn Ngọc	Mai	18/07/1995	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non		Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	83,50		83,50	
415	19.012	Hoàng Thị	Nhân	07/10/1997	Nữ	Tày	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	
416	19.013	Dương Thị Yến	Nhi	07/09/2004	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	71,00	5,00	76,00	
417	19.014	Bế Kiều	Oanh	26/05/2003	Nữ	Tày	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	
418	19.015	Hoàng Thị	Phượng	25/02/2002	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	82,50	5,00	87,50	
419	19.016	Hoàng Thị Hoa	Phượng	18/11/2000	Nữ	Tày	Hữu Liên - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	
420	19.017	Nông Thị	Phượng	13/05/2001	Nữ	Tày	Quang Long - Cao Bằng	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	92,50	5,00	97,50	
421	19.018	Vi Thị	Toan	24/02/1992	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non		Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	74,00		74,00	
422	19.019	Lương Thanh	Thảo	24/06/1996	Nữ	Tày	Cai Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	84,00	5,00	89,00	
423	19.020	Lý Thị	Thắm	09/04/1999	Nữ	Nùng	Đông Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2 (thực hành)			Ghi chú
										Điểm thi môn nghề vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
424	19.021	Nông Thị Thắm	18/03/2003	Nữ	Nùng	Khuất Xá - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	81,50	5,00	86,50	
425	19.022	Liều Thị Hồng Thụ	27/02/2003	Nữ	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	70,50	5,00	75,50	
426	19.023	Chu Thị Trang	15/04/1993	Nữ	Tày	Quốc Việt - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	DTTS	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng		5,00	Bỏ thi	

Danh sách này có 426 thí sinh:

- Số thí sinh dự thi: 323 thí sinh
- Số thí sinh bỏ thi: 103 thí sinh./.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LẠNG SON

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 2086/QĐ-SGDĐT ngày 03/12/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Môn dự thi	Đơn vị dự tuyển	Ghi chú
1	2	3	4		5	6	7	8
1	01.005	Lương Thị Thà	26/05/1992	Nữ	Thất Khê - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THPT	Trung tâm GDNN-GDTX Tráng Định	
2	01.007	Đỗ Trường Giang	17/12/2002	Nam	Vân Quan - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THPT	Trường PTDTNT THCS&THPT Vân Quan	
3	02.009	Phạm Thị Thu	11/10/1994	Nữ	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	Trung tâm GDNN-GDTX Tráng Định	
4	02.036	Hứa Thị Tranh	07/08/1993	Nữ	Tân Văn - Lạng Sơn	Giáo viên Ngữ văn THPT	Trường THPT Vũ Lễ	
5	03.010	Triệu Thị Lan	19/12/1994	Nữ	Đại Phúc - Thái Nguyên	Giáo viên Lịch sử THPT	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	
6	03.019	Dương Thu Phương	27/11/2002	Nữ	Hưng Vũ - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	Trường PTDTNT THCS&THPT Tráng Định	
7	03.030	Bùi Thị Ước	06/07/1991	Nữ	Quốc Việt - Lạng Sơn	Giáo viên Lịch sử THPT	Trường THCS&THPT Bình Độ	
8	04.002	Hoàng Thị Hồng Ngọc	16/05/1995	Nữ	Thái Bình - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập	
9	04.009	Chu Thị Thu	21/03/1994	Nữ	Khánh Khê - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THPT	Trường THPT Lộc Bình	
10	04.017	Hoàng Thị Khuyên	21/04/1997	Nữ	Trung Hội - Thái Nguyên	Giáo viên Địa lý THPT	Trường THPT Pác Khuông	
11	04.021	Vì Văn Giang	10/06/1996	Nam	Kiên Lao - Bắc Ninh	Giáo viên Địa lý THPT	Trường THPT Văn Nham	
12	05.005	Vì Văn Hùng	13/08/1989	Nam	Vũ Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên GD KT&PL THPT	Trường THPT Chi Lăng	
13	06.001	Khuất Minh Thu	30/04/2003	Nữ	Sơn Tây - Hà Nội	Giáo viên Tiếng Anh THPT	Trường THCS&THPT Bình Độ	
14	06.002	Đàm Thị Thu Hà	09/04/2001	Nữ	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THPT	Trường THPT Tráng Định	
15	06.004	Lộc Hoàng Anh	30/08/1999	Nam	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THPT	Trường THPT Vũ Lễ	
16	07.001	Nông Thị Lan Hương	31/07/2001	Nữ	Lương Văn Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Trung Quốc THPT	Trường PTDTNT THCS&THPT Văn Lăng	
17	07.012	Bàng Thị Yên	06/06/1999	Nữ	Khuất Xá - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Trung Quốc THPT	Trường THPT Đình Lập	
18	07.016	Bé Thị Kim Oanh	30/12/2001	Nữ	Quốc Khánh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Trung Quốc THPT	Trường THPT Tráng Định	
19	08.002	Hoàng Thị Tín	16/11/1991	Nữ	Thất Khê - Lạng Sơn	Giáo viên Công nghệ THPT	Trường THPT Chi Lăng	
20	09.006	Lương Thị Ngọc	08/06/1991	Nữ	Đồng Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS	Trường THCS Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	
21	09.021	Hoàng Hồng Linh	27/04/1992	Nữ	Vạn Linh - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS	Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	
22	09.028	Vì Việt Sử	30/06/1989	Nam	Tân Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Toán THCS	Trường THCS Yên Thịnh, xã Hữu Liên	
23	10.002	Hoàng Thị Chanh	21/08/2003	Nữ	Khánh Chiến - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lý THCS	Trường THCS Hoà Sơn, xã Tân Thành	
24	10.010	Đoàn Vĩnh Long	14/04/1988	Nam	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Vật lý THCS	Trường THCS Hữu Lũng, xã Hữu Lũng	
25	11.006	Vy Thuý Phương	21/12/1992	Nữ	Hoàng Văn Thụ - Lạng Sơn	Giáo viên Hoá học THCS	Trường PTDTBT TH&THCS Bình La, xã Tân Văn	
26	11.012	Trịnh Bùi Hải Yến	08/09/2003	Nữ	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Hoá học THCS	Trường THCS Hồ Sơn, xã Hữu Lũng	
27	11.013	Lê Thị Ân	17/02/1994	Nữ	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Hoá học THCS	Trường THCS I Đình Lập, xã Đình Lập	
28	12.008	Đinh Thị Hồng Minh	27/05/1993	Nữ	Na Sầm - Lạng Sơn	Giáo viên Sinh học THCS	Trường PTDTBT THCS Hội Hoan, xã Hội Hoan	
29	13.003	Dương Thị Hoa	06/07/1994	Nữ	Hưng Vũ - Lạng Sơn	Giáo viên Địa lý THCS	Trường THCS Tân Văn, xã Tân Văn	
30	14.003	Nguyễn Thị Thu Quyên	13/09/1993	Nữ	Cai Kinh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS	Trường TH&THCS Hữu Liên, xã Hữu Liên	
31	14.004	Vì Thị Hải Anh	27/09/2002	Nữ	Vạn Linh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	
32	14.006	Ngô Thị Nguyệt	12/05/1999	Nữ	Hữu Liên - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS	Trường TH&THCS Yên Vượng, xã Cai Kinh	
33	14.011	Đặng Thị Ly	18/08/1990	Nữ	Tam Thanh - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh THCS	Trường THCS Chi Lăng, phường Lương Văn Tri	
34	14.018	Trần Thị Huệ	20/08/1993	Nữ	Cường Lợi - Thái Nguyên	Giáo viên Tiếng Anh THCS	Trường THCS Hoà Sơn, xã Tân Thành	
35	14.022	Nguyễn Trần Gia Khánh	25/06/2003	Nữ	Nham Biền - Bắc Ninh	Giáo viên Tiếng Anh THCS	Trường THCS Văn Nham, xã Văn Nham	
36	15.003	Vì Quang Huy	29/01/2001	Nam	Châu Sơn - Lạng Sơn	Giáo viên Tin học THCS	Trường TH&THCS Bắc Lãng, xã Châu Sơn	
37	15.007	Vì Thanh Thuý	01/04/2003	Nữ	Lộc Bình - Lạng Sơn	Giáo viên Tin học THCS	Trường THCS Bắc Việt, xã Văn Lãng	
38	16.004	Hoàng Thị Mai Lan	17/12/1995	Nữ	Vân Quan - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH	Trường PTDTBT TH&THCS Hồng Thái, xã Tân Văn	
39	16.009	Nguyễn Văn Mạnh	19/01/1977	Nam	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH	Trường Tiểu học Hồ Sơn, xã Hữu Lũng	
40	16.010	Nguyễn Thị Hằng	27/09/1999	Nữ	Bảo Đài - Bắc Ninh	Giáo viên Tiếng Anh TH	Trường Tiểu học Hoà Sơn, xã Tân Thành	
41	16.014	Hoàng Thị Hồng Phượng	01/03/1999	Nữ	Dân Tiến - Thái Nguyên	Giáo viên Tiếng Anh TH	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	
42	16.017	Hoàng Thị Xuân	06/01/1995	Nữ	Tráng Định - Lạng Sơn	Giáo viên Tiếng Anh TH	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	
43	17.004	Đặng Thị Trà My	08/07/1989	Nữ	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo viên Tin học TH	Trường Tiểu học Sơn Hà, xã Hữu Lũng	
44	18.010	Triệu Thị Huệ	20/02/1999	Nữ	Thiện Tân - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	Trường TH&THCS Yên Sơn, xã Cai Kinh	
45	18.044	Triệu Thu Thảo	27/03/1997	Nữ	Bằng Mạc - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	Trường Tiểu học Đồng Tân, xã Hữu Lũng	
46	18.062	Lê Thu Lan	05/02/2001	Nữ	Kỳ Lừa - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	Trường Tiểu học Quảng Lạc, phường Lương Văn Tri	
47	18.093	Lương Thị Phượng	03/05/1987	Nữ	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	Trường Tiểu học Tân Thành, xã Tân Thành	
48	18.113	Mai Thị Trang	27/07/1990	Nữ	Vũ Lễ - Lạng Sơn	Giáo viên Văn hoá TH	Trường Tiểu học Yên Thịnh, xã Hữu Liên	
49	19.001	Nông Thị Ngọc Anh	20/05/1986	Nữ	Tân Tri - Lạng Sơn	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Lâm Trường, xã Hữu Lũng	

Danh sách này có 49 thí sinh./